

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001031

Trang : 1/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **40**...

Số bài thi: **40**...

Số tờ giấy thi: **40**...

Cán bộ coi thi 1 <i>Xuân</i> <i>P. K. Vũ</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Nga</i> <i>Trần Thị Nga</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Trần Thị Nga</i> <i>Trần Thị Nga</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Thị Nga</i> <i>Trần Thị Nga</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050004	TRƯỜNG KHÁNH ÂU	12/08/2004	CCQ2205A		1	<i>Am</i>	7.3	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122050034	ĐẶNG LÊ CHÍ BẢO	28/05/2004	CCQ2205A		1	<i>Bảo</i>	7.5	9.0	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122050009	NGUYỄN THÀNH THANH BẢO	14/05/2004	CCQ2205A		1	<i>Bảo</i>	8.8	6.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122050043	ĐẶNG QUỐC CƯỜNG	18/03/2004	CCQ2205B		1	<i>Cường</i>	7.3	6.5	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122050038	PHẠM THANH DIỄN	05/05/2004	CCQ2205B		1	<i>Diễn</i>	5.9	6.5	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122050040	VŨ VĂN HÙNG DŨNG	23/09/2003	CCQ2205B		1	<i>Hùng</i>	6.4	6.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122050026	NGUYỄN XUÂN DUY	09/12/2004	CCQ2205A		1	<i>Xuân</i>	7.6	9.0	8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122050042	TRẦN LÊ NHẬT DUY	06/11/2004	CCQ2205B		1	<i>Duy</i>	9.5	8.0	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122050022	MAI QUANG ĐẠI	10/06/2004	CCQ2205A		1	<i>Đại</i>	6.1	6.5	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122050008	LƯU BÁ ĐÔNG	27/07/1998	CCQ2205A		1	<i>Bá</i>	7.8	8.3	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122050012	HUỖNH NGÔ PHƯỚC HẢI	26/03/2004	CCQ2205A		1	<i>Hải</i>	5.1	6.0	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122050037	NGUYỄN TRUNG HIẾU	04/04/2004	CCQ2205B		1	<i>Hiếu</i>	8.9	8.0	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122050023	TRẦN HỮU HOÀNG	09/12/2004	CCQ2205A		1	<i>Hữu</i>	7.3	8.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122050036	VÕ PHƯỚC HON	16/04/2004	CCQ2205B		1	<i>Hon</i>	8.9	9.0	9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122050005	NGUYỄN VĂN HÙNG	08/07/2004	CCQ2205A		1	<i>Hùng</i>	4.5	5.0	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122050045	PHAN VĂN KHẢI	31/08/2003	CCQ2205B		1	<i>Khải</i>	7.9	8.0	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122050029	LƯƠNG DUY KHOA	11/06/2003	CCQ2205A		1	<i>Khoa</i>	7.8	8.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122050011	CAO HOÀNG PHƯƠNG NAM	31/10/2004	CCQ2205A		1	<i>Nam</i>	5.0	4.5	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122050015	TRƯƠNG ĐẮC NGỌC	17/09/2004	CCQ2205A		1	<i>Ngọc</i>	5.8	5.5	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122050041	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	21/01/2004	CCQ2205B		1	<i>Nguyễn</i>	4.0	2.0	2.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001031

Trang : 2/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: 40.....

Số bài thi: 40.....

Số tờ giấy thi: 40.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Xuân</i> <i>P. Xuân</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Ngọc Hân</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Trần Văn Khoa</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Thị Lệ</i>
---	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122050020	NGUYỄN LÊ HIẾU NHÂN	17/11/2004	CCQ2205A		1	<i>Hiếu</i>	7.9	9.0	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122050031	ĐÀO MINH NHẬT	31/01/2004	CCQ2205A		1	<i>Minh</i>	6.0	8.5	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122050017	HUỖNH TUẤN NHẬT	05/03/2004	CCQ2205A		1	<i>Tuấn</i>	8.3	7.0	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122050003	NGUYỄN MINH NHẬT	06/01/2004	CCQ2205A		1	<i>Minh</i>	3.6	01	2.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122050028	LÊ MẬU HẢI QUÂN	09/03/2004	CCQ2205A		1	<i>Mậu</i>	3.9	01	2.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122050032	LÊ NAM QUỐC	26/03/2004	CCQ2205A		1	<i>Quốc</i>	9.6	9.5	9.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122050018	TRƯƠNG TẤN TÀI	02/01/2004	CCQ2205A		1	<i>Tài</i>	6.1	7.0	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122050007	NGUYỄN DUY TÂN	20/01/2004	CCQ2205A		1	<i>Duy</i>	7.9	7.5	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122050027	NGUYỄN THÀNH THÁI	13/04/2004	CCQ2205A		1	<i>Thành</i>	7.3	8.5	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122050030	KHÊ NHƯ THUẬN	13/09/2004	CCQ2205A		1	<i>Như</i>	5.1	7.5	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122050019	NGUYỄN VĂN MINH THUẬN	12/03/2004	CCQ2205A		1	<i>Minh</i>	7.9	7.0	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122050021	PHẠM VĂN THIÊN THUẬT	19/01/2001	CCQ2205A		1	<i>Thiên</i>	7.9	6.5	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122050006	NGUYỄN DUY TIỀN	09/01/2003	CCQ2205A		1	<i>Duy</i>	5.0	2.5	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122050035	ĐÀO PHÚ MINH TRỊNH	11/04/2004	CCQ2205A		1	<i>Minh</i>	7.0	7.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122050025	ĐẶNG MINH TRỰC	07/01/2004	CCQ2205A		1	<i>Minh</i>	7.3	8.5	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122050014	HUỖNH VĂN TRƯỜNG	07/01/2004	CCQ2205A		1	<i>Văn</i>	4.4	6.5	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122050016	HỒ MINH TUẤN	22/08/2004	CCQ2205A		1	<i>Tuấn</i>	6.0	4.0	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122050024	NGUYỄN VĂN TUẤN	24/08/2004	CCQ2205A		1	<i>Tuấn</i>	6.6	7.5	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122050039	LÊ VĂN TƯỜNG	01/04/2004	CCQ2205B		1	<i>Tường</i>	8.8	9.0	8.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2122050010	NGUYỄN QUỐC VIỆT	17/05/2004	CCQ2205A		1	<i>Việt</i>	6.3	7.0	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001032

Trang : 1/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: ...35...

Số bài thi: ...35...

Số tờ giấy thi: ...35...

Cán bộ coi thi 1 Ngô Văn	Cán bộ coi thi 2 T. T. Mỹ Hồng	G.Viên chấm thi 1 Tr. Văn Hùng	G.Viên chấm thi 2 Trần Thị Lệ
---------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------	--------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050050	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG AN	02/09/2004	CCQ2205B		1	An	8.6	9.5	9.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122050063	NGUYỄN XUÂN ANH	15/07/2004	CCQ2205B		1	Anh	5.6	4.0	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122050060	THÁI QUYỀN ANH	24/02/2004	CCQ2205B		1	Thái	3.9	5.0	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122060023	TRẦN THANH ÂN	05/11/2002	CCQ2205A		1	An	4.6	6.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122050047	NGUYỄN TẤN CHIẾN	25/06/2004	CCQ2205B		1	Chiến	5.5	4.0	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122050146	BÙI QUỐC DUY	06/01/2004	CCQ2205B			✓	5.6	—	—	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122050065	LÊ KHÁNH DUY	10/01/2004	CCQ2205B		1	Duy	5.4	8.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122050062	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	16/01/2003	CCQ2205B		1	Duc	7.8	8.5	8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122050120	PHẠM THANH HẢI	25/01/2004	CCQ2205A		1	Thai	5.0	5.5	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122050119	TRƯƠNG MINH HIỂN	16/11/2004	CCQ2205A		1	Hiển	7.8	8.5	8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122050054	VŨ GIA HUY	04/06/2004	CCQ2205B		1	Thuy	5.1	5.5	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122050059	PHAN TRỌNG HỮU	23/03/2004	CCQ2205B		1	hu	5.5	6.5	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122050046	ĐOÀN MINH KHẢI	29/07/2004	CCQ2205B		1	Khải	6.9	9.5	8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122050001	TRẦN QUỐC KHÁNH	03/09/2001	CCQ2205A		1	K	3.0	4.0	3.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122050053	NGUYỄN PHẠM HOÀNG MINH	20/11/2004	CCQ2205B		1	Minh	8.3	6.5	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122050067	NGUYỄN TẤN GIA NGUYỄN	30/04/2004	CCQ2205B		1	Nguyen	7.9	9.0	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122050136	TRẦN KHẮC NHÂN	24/03/2004	CCQ2205B		1	Nhan	6.8	9.0	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122050068	NGUYỄN HỮU PHÁT	19/02/2003	CCQ2205B		1	Phat	7.4	9.5	8.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170513	NGUYỄN TẤN PHÚ	17/06/2004	CCQ2205A			✓	3.3	—	—	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122050069	HUỖNH NGỌC PHÚC	10/12/2003	CCQ2205B		1	Phuc	7.8	6.0	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001032

Trang : 2/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

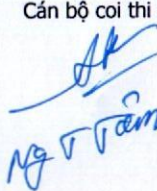
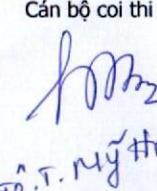
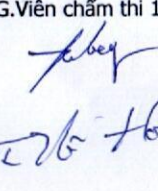
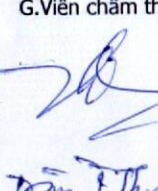
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: **35**

Số bài thi: **35**

Số tờ giấy thi: **35**

Cán bộ coi thi 1  Ng. Văn Tâm	Cán bộ coi thi 2  Tô. T. Mỹ Hằng	G.Viên chấm thi 1  Trần. Huy	G.Viên chấm thi 2  Trần. Thị Lệ
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122050048	NGUYỄN DUY PHƯỚC	21/02/2004	CCQ2205B		1	Phước	4.3	2.0	2.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122050057	LÊ QUANG PHƯƠNG	03/08/2004	CCQ2205B		1	Phu	8.3	9.5	9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122050056	LÊ THANH QUANG	24/11/2004	CCQ2205B		1	Chang	7.6	7.0	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122050049	ĐẶNG MINH QUÂN	17/06/2004	CCQ2205B		1	Quân	6.4	8.0	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122050135	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	08/03/2004	CCQ2205A		1	Quoc	3.4	4.5	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122050137	TRẦN VĂN QUỐC	11/02/2004	CCQ2205B		1	Quoc	4.3	4.0	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122050121	LÊ ĐÌNH SƠN	07/04/2004	CCQ2205A		1	Son	8.0	9.0	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122050051	TÔ ĐÌNH THÀNH	18/06/2004	CCQ2205B		1	Thanh	6.9	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122050061	HUỲNH QUỐC THỊNH	03/07/2004	CCQ2205B		1	Thinh	8.5	8.5	8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122050055	TRẦN NGỌC THÔNG	03/07/2004	CCQ2205B		1	Thao	6.5	7.0	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122050064	VẠN TRUNG TÍN	05/10/2004	CCQ2205B		1	Tin	3.3	2.5	2.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122050066	HỒ MẠNH TRÌNH	27/03/2004	CCQ2205B		1	Trinh	7.4	9.0	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122050058	ĐẶNG MINH TRỌNG	12/02/2004	CCQ2205B		1	Truong	6.1	8.5	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122050052	VŨ VĂN TRỌNG	25/04/2004	CCQ2205B			✓	Cấm Thi	✓	✓	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122050114	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	08/03/2004	CCQ2205B		1	Uong	3.6	2.5	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122050138	NGUYỄN ANH TUẤN	03/04/2003	CCQ2205B			✓	Cấm Thi	✓	✓	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122140015	NGÔ HOÀNG VIỆT	07/07/2004	CCQ2205A		1	Vu	3.8	0.1	2.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122110207	NGUYỄN TRÍ TUẤN	14/03/2004	CCQ2205B		1	Tuan	4.1	6.5	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122050145	NGUYỄN THANH VƯƠNG	24/08/2004	CCQ2205B		1	Vuong	7.0	5.5	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001033

Trang : 1/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

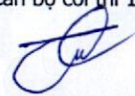
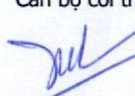
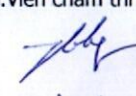
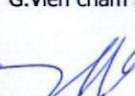
Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-35**

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 31

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
<u>Đ. v. Giem</u>	<u>Nguyễn Thị Kim Dung</u>	<u>TR TẾ HUY</u>	<u>Tam Thanh Le</u>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050070	THIÊN ĐẠI ANH	11/08/2004	CCQ2205C		1		5.0	3.5	4.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122050082	ĐOÀN ĐÔNG CƠ	16/06/2004	CCQ2205C		1		4.3	2.5	3.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122050104	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	03/07/2003	CCQ2205D		1		7.6	9.5	8.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122050096	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	26/09/2003	CCQ2205C		1		6.5	7.5	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122050087	LÊ VIỆT ĐÔNG	17/02/2004	CCQ2205C		1		7.6	8.0	7.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
6	2122050108	NGUYỄN NGỌC HẢI	17/06/2004	CCQ2205D				3.8			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122050080	TRƯƠNG VĂN HÀO	27/04/2002	CCQ2205C				Cấm Thi			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122050093	NGUYỄN VĂN HIẾU	30/08/2001	CCQ2205C				5.1			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122050110	NGUYỄN NGHĨA HUY	27/06/2004	CCQ2205D				Cấm Thi			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122050077	NGUYỄN CÔNG HƯNG	12/12/2004	CCQ2205C		1		7.1	6.5	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122050083	NGUYỄN DUY KHÁNH	30/11/2004	CCQ2205C		1		4.5	7.5	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122050086	TRẦN ĐĂNG KHOA	01/01/2004	CCQ2205C		1		6.8	9.0	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122050102	NGUYỄN TẤN KHÔI	01/02/2004	CCQ2205C		1		5.4	5.5	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122050092	TRẦN HIẾU KỲ	07/12/2004	CCQ2205C		1		5.5	8.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122050100	HUỲNH NGỌC BẢO LÂM	13/09/2004	CCQ2205C		1		5.0	9.5	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122050013	TRẦN GIA LÂM	26/08/2004	CCQ2205D		1		8.6	9.0	8.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
17	2122050071	NGUYỄN CÔNG LẬP	02/09/2004	CCQ2205C		1		5.0	8.0	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122050088	HUỲNH NGỌC LONG	05/03/2004	CCQ2205C		1		2.8	0	1.1	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122050094	NGUYỄN VĂN MINH	02/10/2004	CCQ2205C		1		6.1	6.0	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122050099	TRƯƠNG CÔNG NGHĨA	14/04/2004	CCQ2205C		1		6.3	7.5	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001033

Trang : 2/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

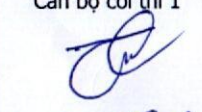
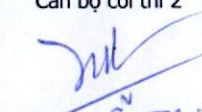
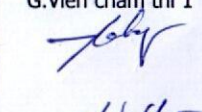
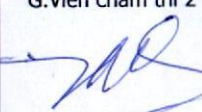
Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-35**

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 31

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn Biên	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Văn Tuấn Trần Văn Tuấn	G.Viên chấm thi 1  Trần Văn Tuấn	G.Viên chấm thi 2  Trần Văn Tuấn
--	---	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122050075	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	12/10/2003	CCQ2205C		1	Ngọc	5,9	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122050106	DƯƠNG THÀNH NGUYỄN	16/02/2004	CCQ2205D		1	Nguyen	8,6	9,5	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122050076	LƯƠNG VĂN NHÂN	20/02/2004	CCQ2205C		1	Nhan	4,5	5,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122050097	NGUYỄN MINH KHÁNH	26/09/2003	CCQ2205C		1	Khánh	6,0	5,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122050089	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	10/05/2004	CCQ2205C		1	Quân	6,8	5,0	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122050090	TRẦN VĂN QUYỀN	02/10/2004	CCQ2205C		1	Quyên	5,1	5,0	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122050101	NGUYỄN VĂN SÁNG	27/11/2003	CCQ2205C				3,0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122050107	LÊ THANH THÁI	24/07/2002	CCQ2205D		1	Thái	5,0	6,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122050109	NGUYỄN VĂN THẮNG	01/01/2004	CCQ2205D				Cấm Thi			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122050084	VÕ VĂN MINH	29/06/2004	CCQ2205C				Cấm Thi			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122050091	ĐẶNG HUY THUẬT	15/02/2004	CCQ2205C				Cấm Thi			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122050081	TRƯƠNG LÊ NGỌC TIỀN	06/11/2003	CCQ2205C		1	Tiến	8,6	6,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122050078	LÊ MINH TRÍ	07/12/2004	CCQ2205C		1	Trí	4,5	6,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122050074	NGUYỄN HỮU TRỌNG	29/06/2003	CCQ2205C		1	Trọng	5,8	6,0	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122050085	NGUYỄN THÀNH TRUNG	22/11/2004	CCQ2205C		1	Trung	9,3	8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122050072	THIÊN SANH TRƯỜNG	17/09/2004	CCQ2205C		1	Trường	3,0	5,0	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122050095	NGUYỄN TRUNG TỬ	24/02/2004	CCQ2205C		1	Tử	7,1	7,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122050105	NGUYỄN QUỐC VIỆT	11/03/2004	CCQ2205D		1	Việt	7,1	7,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122050103	TRẦN ANH VŨ	08/05/2004	CCQ2205D		1	Vũ	7,0	7,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001034

Trang : 1/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-36**

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1 <i>Sm2</i> <i>lưu M. Sơn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Phụng</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Trần Văn Huyên</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Văn Huyên</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050122	NGUYỄN CHÍ AN	15/11/2004	CCQ2205D		1	<i>An</i>	5.3	7.0	6.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122050149	NGUYỄN VĂN BẢO	24/10/2004	CCQ2205D		1	<i>Bảo</i>	5.8	9.0	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122050117	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	16/12/2004	CCQ2205D		1	<i>Chương</i>	7.6	8.0	7.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122050142	DƯƠNG VĂN DŨNG	15/12/2001	CCQ2205C		1	<i>Dũng</i>	6.0	8.0	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122050128	NGUYỄN XUÂN DƯƠNG	01/01/2004	CCQ2205D		1	<i>Dương</i>	5.8	7.5	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122060052	ĐẶNG MINH ĐẠI	12/04/2004	CCQ2205D		1	<i>Đại</i>	5.6	4.0	4.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122050112	VÕ THÀNH ĐẠT	11/03/2003	CCQ2205D			<i>Cán bộ Thi</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122050131	NGUYỄN VIỆT ĐÔNG	24/03/2004	CCQ2205D		1	<i>Đông</i>	6.3	6.0	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122050127	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	13/03/2004	CCQ2205D		1	<i>Đức</i>	7.5	7.5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180005	ĐOÀN TẮT GIÁP	01/08/2004	CCQ2205C		1	<i>Giáp</i>	4.1	4.5	4.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122050144	HÀ TRẦN NGỌC GIẢNG	19/01/2004	CCQ2205D		1	<i>Giảng</i>	5.0	8.0	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122140064	NGUYỄN HUY HOÀNG	23/02/2001	CCQ2205D		1	<i>Hoàng</i>	7.0	6.0	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122050139	VÕ VĂN HÙNG	23/01/2004	CCQ2205C		1	<i>Hùng</i>	5.9	6.0	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122050129	TỔNG QUANG HUY	09/06/2002	CCQ2205D		1	<i>Huy</i>	3.0	2.0	2.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122170390	NGUYỄN TRẦN ĐỨC HY	25/07/2004	CCQ2205D		1	<i>Hy</i>	4.6	5.0	4.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122050140	PHẠM ĐÌNH KHA	20/01/2004	CCQ2205C		1	<i>Kha</i>	7.1	6.5	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122050133	ĐỖ VĂN NGỌC LƯU	20/01/2004	CCQ2205D		1	<i>Lưu</i>	4.3	6.0	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122170394	LÊ VĂN LƯU	26/07/2004	CCQ2205D		1	<i>Lưu</i>	4.5	6.0	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122050125	NGUYỄN QUỐC MINH	06/06/2000	CCQ2205D			<i>Cán bộ Thi</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122170387	VÕ XUÂN MINH	05/08/2004	CCQ2205D		1	<i>Minh</i>	4.1	5.0	4.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001034

Trang : 2/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

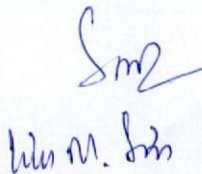
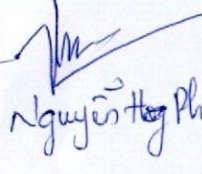
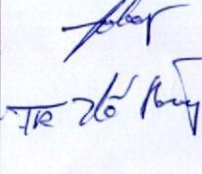
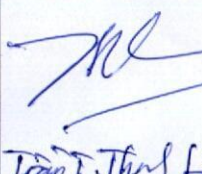
Giờ: **09:45**

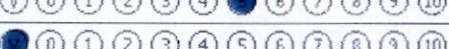
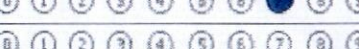
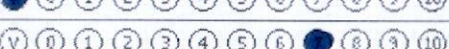
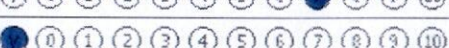
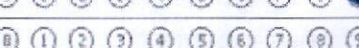
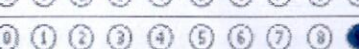
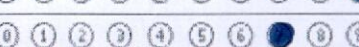
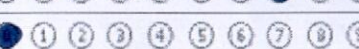
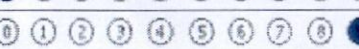
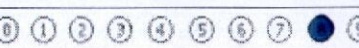
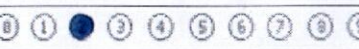
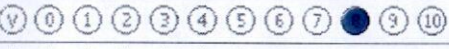
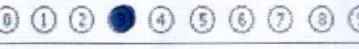
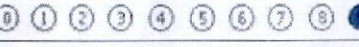
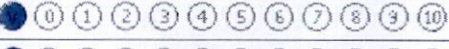
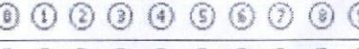
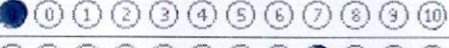
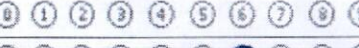
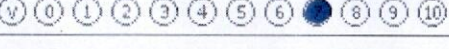
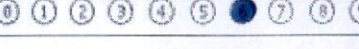
Phòng thi: **D6-36**

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Lâm M. Sơn	 Nguyễn Huy Phức	 Trần Văn Hùng	 Trần T. Thuận Lê

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122140060	MAI QUỐC NHẬT	02/02/2004	CCQ2205C		1		6,1	6,0	6,1		
22	2122200018	ĐẶNG THANH PHÚC	20/08/2002	CCQ2205D		1		3,4	7,0	5,7		
23	2122050143	ĐOÀN GIA THIÊN	20/08/2004	CCQ2205D				Cán Thi				
24	2122050148	NGUYỄN MINH PHÚC	14/07/2004	CCQ2205C		1		6,9	8,5	7,9		
25	2122050141	NGUYỄN NHƯ PHÚC	06/12/2004	CCQ2205C				Cán Thi				
26	2122050113	THẠCH BẢO QUỐC	03/06/2004	CCQ2205D		1		5,0	6,5	5,9		
27	2122170126	NGUYỄN THÁI SƠN	07/12/2004	CCQ2205D		1		5,3	6,0	5,7		
28	2120060049	VÕ VĂN SỸ	16/09/2002	CCQ2006B		1		6,9	7,0	7,0		
29	2122050130	DƯƠNG MINH TÂN	22/12/2004	CCQ2205D		1		4,6	5,0	4,9		
30	2122180045	TRƯƠNG LƯƠNG NGUYỄN THÀNH	13/11/2004	CCQ2205D		1		7,5	8,0	7,8		
31	2122050124	VÕ ĐỨC THỊNH	12/12/2004	CCQ2205D		1		4,4	4,0	4,2		
32	2122050147	HUỖNH VĂN THUẬN	26/05/2003	CCQ2205C		1		3,6	7,0	5,7		
33	2122170522	CHÂU VĂN TOÀN	11/02/2004	CCQ2205D				2,5				
34	2122060061	TRIỆU MINH TOÀN	30/10/2004	CCQ2205D		1		6,3	8,5	7,6		
35	2122050126	LÊ THÀNH TRUNG	29/10/2004	CCQ2205D		1		8,0	8,5	8,3		
36	2122050111	VÕ THANH TRUNG	20/06/2004	CCQ2205D		1		6,0	7,5	6,9		
37	2122050134	NGUYỄN HUỖNH XUÂN	24/08/2004	CCQ2205D				Cán Thi				
38	2122170521	KIỀU MINH TƯỜNG	27/04/2004	CCQ2205D				2,8				
39	2122050123	NGUYỄN VĂN VIN	01/04/2003	CCQ2205D		1		7,0	8,0	7,6		